TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *117*/2019/DS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2019
V/v: Tranh chấp " Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Bùi Thị Nguyễn

-Thư ký phiên tòa: ông Trần Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh AnGiang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ an ra xét xử số 114/2019 /QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2019/QĐ-PT ngày 05/6/2019; giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà N.T.T, sinh năm 1975.

Ông L.H.H, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: số 103, tổ 3, Ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông H: Bà N.T.T sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 11/10/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, ông H: Ông H.T .L — Luật sư của Văn phòng luật sư Hồ Hoàng Phượng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang - Có mặt.

2.Bị đơn: Bà L.T.H2, sinh năm 1964.

Cư trú: số 100, tổ 3, ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H2: Bà T.T.K.T2 , sinh năm 1990. Địa chỉ: Số nhà 414, ấp Kiến Thuận 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là

người đại diện theo ủy quyền của bà L.T.H2 (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2019).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
+ Bà N.T.K, sinh năm 1952.

Cư trú: Ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Người giám hộ cho bà N.T.K là ông L.V.V, sinh năm 1971 Cư trú: Ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo trích lục đăng ký giám hộ số 31/TLGH-BS ngày 11/7/2018 của Uy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

+ Ông T.H.P, sinh nàm 1980;

+ Bà N.T.T.T, sinh năm 1985.

Cùng cư trú: số 517, ấp Nhơn Lợi, xã Nhớn Mỹ, huyện Chợ Mới tỉnh An Giang.

(Các ông/bà: N.T.T, L.T.H2, L.V.V, Luật Sư L bà T có mặt; còn lại các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà N.T.T cũng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L.H.H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do bà và ông H nhận chuyển nhượng của ông T.H.P diện tích 124 7m^2 vào năm 2005 đến năm 2006 bà mới trả tiền hết cho ông P số tiền 15.000.000 đồng thời điểm bà nhận chuyển nhượng ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất nói trên nói trên. Năm 2007 bà cất nhà trên phần đất bãi bồi mé sông giáp với phần diện tích 124,7m^2 mà bà nhận chuyển nhượng của ông P. Thời điểm bà nhận chuyển nhượng đất của ông P thì phần đất trên là đất trống. Năm 2009 bà H2 đến hỏi bà mượn đất để cất quán bán cà phê và bà H2 có hứa khi nào bà cần bà H2 sẽ dở quán trả đất cho bà, bà đồng ý cho bà H2 cất quán trên phần đất ngang khoản hơn 3m, dài 1l,65m. Việc bà cho bà H2 ở nhờ trên đất giữa bà với bà H2 không làm giấy tờ và không ai biết việc này. Năm 2010 vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 2011 bà có yêu cầu bà H2 dở quán trả đất cho bà nhưng bà H2 không đồng ý nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Sự việc có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được, vì bà H2 cho rằng đất của ông ngoại bà H2 và không đồng ý trả. Nay bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉnh xin yêu cầu bà H2 di dời quán trả lại phần đất cho bà diện tích 39,4m^2 (theo sơ đồ khu dất đo vẽ của văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Chợ Mới đo vẽ ngày 22/9/2016) bà sẽ hỗ trợ chi phí cho bà H2 2.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà được cấp thì bà cũng không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với vợ chồng ông T.H.P, bà N.T.T.T2.

Bị đơn bà L.T.H trình bày: Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà T2 và ông H, vì phần đất bà đang sử dụng có nguồn gốc của ông ngoại tên N.V.A (không nhớ năm chết) để lại cho cậu tên N.K.P.V2 (không nhớ thời gian) diện tích đất khoảng hơn 40m^2, đến năm 1993 ông V2 để lại cho dì bà tên N.T.K sử dụng. Trên phần đất

này ông bà của bà H2 cất nhà ở từ lâu và sau này do dì là bà K quản lý sử dụng, do bà K không có chồng con nên năm 2005 bà về sống chung với bà K và bà có tháo dỡ nhà cũ của bà K và dựng quán trên phần diện tích hơn 40m^2 để bán cà phê nuôi bà K cho đến nay. Bà H2 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+ Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới: Tại Công văn 39/UBND-NC, ngày 09 tháng 01 năm 2016, và Công văn số 1656/UBND-NC ngày 10 tháng 10 năm 2017; ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới có ý kiến: Nguồn gốc đất tranh chấp là của vợ chồng bà N.T.T, ông L.H.H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T.H.P (ông P được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05708/eB ngày 19/12/2002) với diện tích 124,7m^2, vào năm 2010. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01818 ngày 05/8/2010 cho bà N.T.T và ông L.H.H là đúng đối tượng và trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N.T.Tvà ông L.H.H thì ông P đã dờ nhà đi nơi khác để lại đất trống cho bà T sử dụng không có căn nhà nào trên đất, chỉ có quán bán nước do bà L.T.H2 cất sử dụng khoảng năm 2007.

+ Ông T.H.P trình bày: Ông sở hữu phần đất diện tích 124,7m^2, tọa lạc tại ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là do ông, bà, cha, mẹ cho ông, sau đó ông bán lại cho bà N.T.T năm 2005- 2006 đến năm 2010 mới làm thủ tục sang tên cho bà T sử dụng đến nay. Ông bán đất cho bà T là hoàn toàn đất trống không ai tranh chấp gì, ông bán đất đúng thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Bà N.T.T.T2 trình bày: Bà là vợ của ông T. H.P, bà thống nhất lời trình bày của ông P, vợ chồng bà không tranh chấp đôi với phần đấtt này vì vợ chồng bà đã bán cho bà T, tùy vợ chồng bà T quyết định, vợ chồng bà không có yêu cầu gi.

+ Người giám hộ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K là ông L.V.V trình bày: Ông là cháu ruột của bà K (gọi bà K bằng dì). Trước đây bà K sống trên phần đất tranh chấp này (đất do ông ngoại N.V.A để lại). Đến năm 2005 thì căn nhà này đã hư hỏng, bà K sống một mình và có dấu hiệu bệnh tâm thần nên ông rước bà K về sống cùng gia đình từ đó đến nay. Đến năm 2006 thì chị ông là L.T.H về cất quán để bán cà phê trên phần đất này từ đó đến nay. ông là người giám hộ cho bà K nhưng vì bà H2 cất quán trên phần của ông bà để lại nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này. Tùy chị ông là bà H2 quyết định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 181/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới: Áp dụng: Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 144 và Điều 273 của Bộ luật to tụng dân sự năm 2015, Điều 3, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự ; Nghị quyết số 3260016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.T và ông L.H.H đối với bà L.T.H2. Buộc bà L,T.H có nghĩa vụ tháo dỡ di dời mái che tạm trả cho bà N.T.T và ông L.H.H phần đất diện tích 39,4m^2 thuộc thửa 104, tờ 62 trong tông diện tích

124,7m^2 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01818 ngày 05/8/2010 cho bà N.T.T và ông L.H.H tại các mốc điểm 18,7,6 theo bản vẽ sơ đồ khu ngày 22/?/2016 cùng Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới. (Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp là một bộ phận không thể tách rời bản án). Ghi nhận sự tự nguyện của bà N.T.T và ông L.H.H hỗ trợ chi phí cho bà L.T.H2 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)

Về chi phí tố tụng: Bà L.T.H2 phải chịu 2.018.300đ (Hai triệu không trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng), do bà T đã nộp trước nên bà L.T.H2 hoàn trả cho N.T.T chi phí tổ tụng 2.018.300đ (Hai triệu, không trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án,quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án Ngày 07/01/2019 bà L.T.H và ông L.V.V (là người giám hộ cho bà K) có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo hướng hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về choTòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ nguồn gốc đất để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông L.H.H (do bà T đại diện) và bà N.T.T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà L.T.H và ông L.V.V (là người giám hộ cho bà K) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Bà H2 cung cấp một Vi bằng số 53/2019/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại An Giang lập ngày 25/6/2019 và bản phô tô sổ hộ khẩu gia đình của ông T.V.T3.

Phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông L.H.H và bà N.T.T, về nguồn gốc đất do ông H và bà T nhận chuyển nhượng của ông T.H.P, trước khi nhận chuyển nhượng thì ông Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H bà T với ông P là hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà T thống nhất với ý kiến của luật sư, không có ý kiến gì thêm

Bà L.T.H2 khẳng định diện tích đất bà đang cất nhà tạm dùng để làm quán bán nước giải khát là của ông bà để lại cho bà K và bà K ở đến năm 2005, do nhà bà K hư hỏng nên bà Hạnh có sửa chữa lại và dùng để mua bán nuôi dưỡng bà K

Vng V (là người giám hộ cho bà K) trình bày: Tại cấp sơ thẩm ông không có yêu cầu gì, nay ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận của ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông H, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét

xử nghị án thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự

-Về đề xuất hướng giải quyết vụ án:

+ Vợ chồng bà N.T.T và ông L.H.H nhận chuyển nhượng diện tích 124,7 m^2 đất của ông T.H.P. Trước đó ông T.H.P đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp và ngay tình;

+ Bà H2 cho rằng phần đất diện tích 39,4 m^2 là của ông bà của bà H2 để lại, nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh

+ Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái che tạm trả cho bà T, ông H 39,4 m^2 đất là có cơ sở.

+ Kháng cáo của bà H2 và ông L.V.V là không có cơ sở xem xét đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà L.T.H2 và ông L.V.V; Giữ nguyên bán án sơ thẩm số 181/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà L.T.H2 và ông L.V.V trong hạn luật định, và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận về hình thức.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, ông T.H.P và bà N.T.T.T2 yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng năm 2015. Hội đồng xét

[3]. Về nội dung tranh chấp: Ông H và bà T yêu cầu bà L.T.H2 phải tháo dờ, di dời mái che sử dụng bán quán nước giải khát trả lại đất bà H2 không chấp nhận và cho rằng diện tích mái che là của ông N.V.A để lại cho ông N.K.P.V2 , ông V2 để lại cho bà N.T.K, trên phần đất này bà K đã cất nhà ở từ lâu. Năm 2005 bà về số nợ chung với bà K và bà tháo dỡ nhà cũ của bà K và dựng quán bán nước giải khát.

[4] .Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy:

[4-1].Đối với yêu cầu khỏi kiện của nguyên đơn: về diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông T.H.P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002,

sau đó ông P chuyển nhượng cho ông H, bà T và ông H, bà T được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01818 ngày 05/8/2010, diện tích 124 7 m^2 tại ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; thửa số 104, tờ bản đồ. Theo Bản vẽ hiện khu đất tranh chấp doVăn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới lập ngày 22/9/2016 thể hiện bà H2 sử dụng làm mái che tạm bán quán nước giải khát có diện tích 39,4m^2 tại các điểm 1,8,7,6 thửa số 104, tờ bản đồ số 62, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 1818 ngày 05/8/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông L.H.H và bà N.T.T đứng tên. Bà H2 cho rằng diện tích đất bà đang sử dụng để làm quán bán nước giải khát là của ông bà để lại cho bà K và bà K ở đến năm 2005 do nhà bà K hư hỏng nên bà H2 có sửa chữa lại và dùng để mua bán nuôi dưỡng bà Khỏe, nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh là bà K được ông bà cho đất. Mặt khác trước khi bà T ông H nhận chuyển nhượng đất của ông P thì ông P đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H bà T với ông Pc là hợp pháp. Từ đó ông H, bà T yêu cầu bà L.T.H2 phải tháo dỡ, di dời nhà tạm để trả lại đất là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4.2].Đối với yêu cầu của bà L.T.H2 yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông H, bà T: Bà H2 cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H bà T có diện tích 127,7m^2 , trong đó có diện tích 40 m^2 đất của bà K sử dụng cất nhà từ lâu. Bà H2 xác nhận diện tích đất tranh chấp là của bà K được ông bà cho, bà H2 chỉ sửa chữa lại căn nhà của bà K và dùng để làm quán bán nước giải khát; vì vậy việc ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà T không xâm phạm gì đến đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H2 nên bà H2 không có quyền khỏi kiện đối với yêu cầu này. Do vậy đình chỉ giải quyết đối yêu cầu hủy giấy chúng nhận quyền sử dụng của bà H2, lý do không có quyên khởi kiện.

[4.3].Ông L.V.V (người giám hộ cho bà N.T.K) kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông H, bà T. Tuy nhiên tại Tòa án cấp sơ thẩm ông vỏ không có yêu cầu gì, do vậy yêu cầu này của ông V (người giám hộ cho bà K) chưa được cấp sơ thẩm giải quyết nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án cấp sơ thẩm còn có những sai sót như sau:

-Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Hạnh (Thông báo số 1455/TB-TLVA ngày 14/7/2017- BL 59), nhưng Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Bản án chỉ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là thiếu sót.

-Phần nhận định về xem xét đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đồng nhất, phần Quyết định của bản án không đề cập đến việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, là chưa giải quyết hết các quan hệ tranh chấp;

- Bà N.T.K do ông L.V.V là người giám hộ kháng cáo. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm và kháng cáo bà K ,sinh năm 1952, là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà K phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng.

- Vụ án được thụ lý lần đầu ngày 23/6/2016 (Thông báo thụ lý số1323/TB-TLVA) Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định vê mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị Quyết 326 để tính án phí là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại; cụ thể bà L.T.H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn).

Tuy nhiên những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên không cần phải hủy Bản án sơ thẩm mà chỉ nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L.V.V (người giám hộ Cho bà N.T.K) và bà L.T.H2; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo án sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy bà H2 và ông V kháng cáo nhung không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên hhông có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên về nội dung, nhưng sửa cách tuyên của bán án sơ thẩm

[7]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

[8]. Về án phí phúc thẳm: Do sửa bản án, nên bà L.T.H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29; bà N.T.K được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm; quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quàn lý và sư dụng an phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 148; Điểm g Khoản 1 Điều 217; Khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Căn cứ Điểm đ, Khoản 1, Điều 12;

Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 cùa Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dựng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.T.H2 và ông L.V.V (người giám hộ cho bà N.T.K); Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 181/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.Tvà ông L.H.H đối với bà L.T.H2.

Buộc bà L.T.H2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời mái che tạm trả cho bà N,T.T và ông L.H.H phần đất diện tích 39,4m^2 tại ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, số thửa 104, tờ bản đồ 62 trong tổng diện tích 124,7m^2, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01818 ngày 05/8/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho bà N.T.T và ông L.H.H đứng tên; tại các mốc điểm 1,8,7 6 theo bản vẽ sơ đồ khu đất ngày 22/9/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới.

(Bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp là một phần không thể tách rời của Bản án này).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N.T.T và ông L.H.H hỗ trợ chi phí di dời cho bà L.T.H2 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà L.T.H đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01818 ngày 05/8/2010, của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông L.H.H và bà N.T.T.

Về chi phí tố tụng: 2.018.300đ (hai triệu, không trăm mười tám nghìn ba trăm đồng) bà L.T.H2 phải chịu. Bà N.T.T đã tạm ứng nộp nên bà L.T.H2 có trách nhiệm hoàn trả cho bà N.T.T số tiền 2.018.300đ (Hai triệu không trăm mười tám nghìn, ba trăm).

Về án phí dân sự:

Bà L.T.H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ưng án phí, lệ phí Tòa án số 0012437 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mói. Bà H2 được nhận lại số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn)

Bà N.T.K, do ông L.V.V giám hộ, được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng ánphí, lệ phí Tòa án số 0012438 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà N.T.T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo Biên lai thu số 0004319 ngày 23/6/2016 và Biên lai số 0004375 ngày 01/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đôi với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điêu 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao tại TP.HCM
-VKSND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-TAND huyện Chợ Mới;
-Cục THADS tỉnh An Giang;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Phòng KTNV&THA;
-Văn phòng;
- Các đưcmg sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiện